

# TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH KHOA CHÚ 2014

(Giảng lần thứ 4)

Tập 76

Hòa thượng Thích Tịnh Không chủ giảng.

Giảng tại: Hiệp Hội Giáo Dục Phật Đà Hồng Kông.

Thời gian: Ngày 14 tháng 7 năm 2014.

Dịch giả: Như Hòa.

Giáo chánh: Thích Thiện Trang.

Kính chào chư vị Pháp sư, chư vị đồng học, kính mời ngài. Mời mọi người cùng tôi quy y Tam Bảo:

**A-xà-lê tồn niệm, ngã Đệ tử Diệu Âm, thủ tụng kim nhật, nãi chí mạng tồn, quy y Phật-Đà, lưỡng túc trung tôn; Quy y Đạt-Ma, ly dục trung tôn; Quy y Tăng-Già, chư chúng trung tôn. (3 lần)**

Mời xem Đại Kinh Khoa Chú, trang thứ 297, hàng thứ nhất, bắt đầu xem từ ở giữa:

Từ ở giữa 「信慧」“**Tín Huệ**”, đây là tên được xếp ở vị trí thứ 10, Tín Huệ Bồ-tát. 「《會疏》云：信心智慧，永斷疑網」 **Hội Sớ vân: tín tâm trí huệ, vĩnh đoạn nghi võng**” (Trong sách Hội Sớ nói: lòng tin trí huệ, mãi mãi đoạn lười nghi), trong tín có huệ, trong huệ có tín, đức hiệu của Bồ-tát bao gồm ý nghĩa vô cùng sâu rộng. Chúng ta có thể nói tất cả pháp của thế gian và xuất thế gian, không những là từ xưa tới nay, mà trong Đại thừa giáo đã nói, khắp Pháp giới Hư không giới, phải lớn hơn toàn bộ vũ trụ trong khoa học nói. Điều mấu chốt chúng ta có thể nói rằng, đức hạnh quan trọng hàng đầu trong các đức hạnh: chính là tín huệ.

Ngũ luân Ngũ thường ở nước ta vào thời xưa, Ngũ luân là đạo, đạo là ý nghĩa gì? Đạo chính là nguyên tắc vận hành của đại tự nhiên, xưa nay đó chính là như vậy, không phải do người làm ra. Cha con có tình thân không phải do người chế ra, mà đây là một hiện tượng tự nhiên, không có bất kỳ điều kiện nào, tự nhiên là như thế, cha từ con hiếu. Cho nên đây là đạo, quân thần có đạo nghĩa, vua tôi là [quan hệ] giữa người lãnh đạo và người được lãnh đạo, nghĩa tức là hợp tình, hợp lí, hợp pháp, tình và lí ở trong đó chính là đạo, không phải do người khác chế ra. Chồng vợ có sự khác biệt, khác biệt là trách nhiệm không tương đồng, không giống nhau, [nhưng] không đảo loạn được, loạn rồi thì sẽ xảy ra chuyện. Thái bình thịnh thế là do sao mà xuất hiện? Khi Ngũ luân trở về với đạo, Ngũ thường cũng trở về với đạo, thì sẽ xuất hiện thái bình thịnh thế thôi, vậy nam nữ có thể bình đẳng không? Không thể, [nếu] nhất định phải bình đẳng, vậy chính là trái ngược với quy luật của đại tự nhiên, chính là có trái ngược với đạo rồi, người ta chỉ cần rời khỏi đạo, Lão tử nói rất hay, rời khỏi đạo, thì tai nạn phía sau liền ập đến, gia đình liền nảy sinh sự đối khác. Cổ nhân nước ta hiểu được đạo lí này, nam nữ đều giữ bốn phận, nam phải nghĩa, có đạo nghĩa, nữ phải nhu thuận, [như thế] một gia đình mới có thể yên ấm, gia hòa vạn sự hưng. Ngày nay gia đình không còn nữa, vì sao vậy? Bởi vì phu phụ đều tách rời đạo rồi, đạo không còn nữa, đạo của vợ chồng không còn, thì gia đình [cũng] không còn nữa.

Gia đình vào thời xưa là một gia đình lớn, cho nên đạo nghĩa quan trọng hơn bất cứ điều gì. Đại gia đình là một tổ chức xã hội, anh em không phân nhà chia cửa, đều chung sống cùng nhau, một gia đình bình thường có khoảng 300 người, gia đình hưng vượng có [đến] 6-7 trăm người. Trong Lịch sử nước ta có gia đình hưng thịnh nhất, vào triều Minh có gia đình, tôi không nhớ rõ, đặc biệt có hơn 1000 người. Làm sao cai quản gia đình lớn như vậy? Có luân lí, có

đạo đức, có giáo dục Thánh hiền thì sẽ quản được thôi. Gia đình, gia đình thời xưa, có hai sự việc thù thắng nhất, thứ nhất là giáo dục, thứ hai là dưỡng lão, đây là hai việc lớn của đời người. Đời người hưởng thụ niềm vui vào lúc nào? Khi tuổi già, về hưu rồi, về hưu thì trở về nhà dưỡng lão. Gia đình là thiên đường của người già, vì sao? Bởi vì chư vị nói xem một gia đình [có] 3-4 trăm người, rất nhiều trẻ nhỏ, không ít, thế nào cũng có mấy chục đứa, những đứa trẻ này đều làm bạn bên cạnh người già.

Từ đường là nơi hoạt động của gia đình, Từ đường ở đây chính là nhà thờ tổ tiên dòng họ, [là nơi] thờ cúng Tổ tiên, họ sẽ cúng lễ vào hai mùa xuân và thu trong năm, ngoại trừ việc cúng lễ ra thì [nơi đó] đều để không, một nơi lớn như vậy, cho nên [tận dụng] để làm nơi nuôi dưỡng người già và giáo dục trẻ nhỏ. Trường học gia đình, chính là trường tư thục, được thiết kế ở trong Từ đường, hàng ngày không rời khỏi Tổ tiên, đây chính là bồi dưỡng hiếu đạo. Người già thì ở nơi ấy dưỡng già, nơi ấy là trung tâm giải trí, cũng là trung tâm hoạt động người già của một gia tộc (trong một đại gia đình ấy). Trong đó có phòng để nghỉ ngơi, có trà nghệ, người xưa nói là trà đạo, có các loại hình giải trí. Các cháu nhỏ khi tan học rồi, cũng sẽ đến quây quần bên các cụ để nô đùa cùng với ông bà, ông bà sẽ kể chuyện xưa cho chúng nghe, giảng kinh nghiệm, giáo huấn chúng, kết giao với người già, tri thức và trí huệ sẽ tăng trưởng, hấp thu được kinh nghiệm của người già. Hiện giờ không còn nữa, người già bây giờ rất đáng thương, con cháu không chăm sóc. Cho nên trước kia người già là được gia đình của chư vị chăm sóc. Người trẻ tuổi làm việc ở bên ngoài, số tiền kiếm được đều phải gửi về nhà, ngoài chi phí sinh hoạt mình cần dùng ra, còn lại tất cả đều phải gửi hết về nhà. Vì thế gia đình là một tổ chức xã hội, có thể trị gia thì [cũng] có thể trị quốc. Tề gia, trị quốc, bình thiên hạ, những việc vặt ở trong nhà không khác nhiều so với một đất

nước, [chỉ là] quy mô nhỏ hơn một chút, nếu phóng lớn ra thì bằng với đất nước, cho nên người biết cách trị gia thì biết cách trị nước.

Thời xưa, giáo dục là trách nhiệm của gia đình, quốc gia không chịu trách nhiệm [đó]. Quốc gia tổ chức thi cử, hàng năm mở khoa thi để chọn hiền sĩ, đất nước cần nhân tài, thì sẽ tổ chức khảo thí. Vượt qua kỳ thi rồi, đỗ kỳ thi huyện gọi là Tú tài, đó chính là học vị; Đỗ kỳ thi tỉnh gọi là Cử nhân, đến kỳ thi đình, thi đình là do nhà Vua làm quan chủ khảo, cuộc thi tổ chức trong hoàng cung, gọi là Tiến sĩ, đây là học vị cao nhất. Thi đậu rồi, huyện có trường học, tỉnh có trường học, quốc gia cũng có trường học gọi là Quốc Tử Giám, đó là Đại học Quốc lập, những trường học này hoàn toàn là bồi dưỡng, nói theo ngày nay, chính là nhân viên công vụ của quốc gia. Người đọc sách đều sẵn lòng mong muốn tham gia kỳ thi, sau khi thi đỗ, họ sẽ được làm quan. Quan chức đều phải xuất thân từ cuộc thi này, đây là một phương pháp vô cùng tốt, ngay cả nước ngoài cũng tán thán. Quan viên nước ta được tuyển chọn từ nơi nào vậy? Từ cuộc thi mà có. Giáo dục của họ là trong chính gia đình, gia đình chịu trách nhiệm này. Chế độ thi cử này có ở nước ta rất sớm, bắt đầu từ thời Hán Vũ Đế.

Cho nên gia có gia đạo, lớn nhỏ có thứ tự, bạn bè có chữ tín, bạn bè là đối ngoại, nhất định phải trọng chữ tín, phải có tín đức, nếu một người không có chữ tín, thì không cách nào đứng vững trong xã hội được, trong Ngũ luân thì điều sau cùng là tín đức. Ở trong Ngũ thường, Ngũ thường là đức, chữ tín này là đạo, nhất định phải chú trọng chữ tín. Ngũ thường là: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, muốn làm người, thì người khi qua lại với người nhất định phải tuân giữ Ngũ đức. Ngũ đức chính là sự thực hiện của Ngũ luân, Ngũ luân thực hiện vào trong đời sống, áp dụng vào trong công việc, vận dụng vào trong xử việc đối người tiếp vật, đây gọi là Đức. Điều thứ nhất là Nhân, nhân chính là nhân

ái, chữ này là hội ý, chư vị xem là hai người, nghĩ đến mình đồng thời phải nghĩ đến người khác, đây gọi là Nhân. Điều gì mình không muốn, thì đừng làm cho người, chính mình không muốn tiếp nhận, thì không thể thêm cho những người khác. 人同此心，心同此理 **“Nhân đồng thử tâm, tâm đồng thử lí”** (*Người cùng tâm này, tâm cùng lý này*), cho nên có nhân có nghĩa. Khổng tử cả đời làm nhân, Mạnh tử cả đời nói nghĩa. Nghĩa là gì? Khởi tâm động niệm, lời nói việc làm hợp tình hợp lí hợp pháp, tất cả đều chú ý đến.

Có lễ, lễ là trên dưới trước sau. Xã hội nhỏ là gia đình, xã hội lớn là quốc gia, là xã hội, nếu không có lễ tiết, thì xã hội sẽ loạn. Xã hội ngày nay động loạn, toàn thế giới động loạn, nguyên nhân gì vậy? Bởi không có lễ. Người nước ta thời xa xưa đã chú trọng, chính là hiểu được tầm quan trọng của lễ. Trí, trí này ở đây: là nói đối ngược với tình cảm, trí là lí trí, ngày nay giảng là lí của đạo lí, giảng đạo lí, [người] có trí huệ, không thể làm theo tình cảm, làm việc theo tình cảm thì sẽ có rất nhiều phiền não. Vì vậy dùng lí trí: đối xử với tất cả người việc vật, mới có thể làm được viên mãn. Tiếp theo cho dù đối xử với người nào, đều phải trọng chữ tín. Hoàn toàn tương đồng với Ngũ giới trong Phật pháp, Nhân là không sát sanh, Nghĩa là không trộm cắp, Lễ là không tà dâm, Trí là không uống rượu, Tín là không vọng ngữ. Thật sự là tương đồng đại khái với những điều mà bậc anh hùng thấy, đức Phật gọi điều này là Ngũ giới, người nước ta gọi là Ngũ thường. Thường là mãi mãi không thay đổi, chư vị rời khỏi năm chữ này thì không phải là người nữa, trên Tả Truyền này nói, Tả Khâu Minh nói 「人棄常則妖興」 **“nhân khí Thường tác yêu hưng”** (*người bỏ Luân thường thì yêu quái hưng thịnh*), Thường là Ngũ thường, [chỉ] năm chữ này, khí là bỏ đi, không cần điều đó nữa, người ấy chính là yêu ma quỷ quái, không gọi là người nữa. Xã hội này ngày nay, năm chữ này không còn nữa, vậy thì tất cả đều trở thành yêu ma quỷ quái rồi. Câu

nói này vô cùng quan trọng, sự khác biệt giữa người và ma ở chỗ nào? Người hiểu được Ngũ thường, tuân giữ Ngũ thường, thì người ta có thể giữ được Năm giới, không giữ được Năm giới, thì đó chính là yêu quái, chính là ma.

Vì vậy Tín Huệ hết sức quan trọng, điều sau cùng trong Ngũ thường là Tín. Điều thứ tư chính là trí huệ, trí, trí chính là huệ. Trí huệ đó quan trọng biết bao, là pháp căn bản một người cần phải giữ chữ tín, pháp này chính là Giới luật. Từ đây lại mở rộng, đưa ra Tứ duy Bát đức, trên thực tế hợp lại chính là, chúng ta [thường nói] Ngũ luân Ngũ thường, Tứ duy Bát đức, Tứ duy Bát đức hợp lại [thành] 12 chữ, 12 chữ này chính là gốc rễ của văn hóa truyền thống nước ta, 12 chữ là Hiếu Đễ Trung Tín, Lễ Nghĩa Liêm Sỉ, Nhân Ái Hòa Bình. Văn hóa nước ta là gì? Chính là 12 chữ này, mỗi người nhất định phải tuân thủ, chư vị là người nước ta thì phải giữ gìn, bao đời thế hệ tương truyền, mãi mãi sẽ không thay đổi, đây là Chân lý. 12 chữ này, chư vị lắng lòng mà nghĩ xem, hàng triệu năm trước người ta sử dụng điều đó, tuân giữ điều đó, vui mừng, hiện nay mọi người cũng vẫn tuân giữ 12 chữ này, sau hàng triệu năm nữa, mọi người vẫn sẽ tuân theo điều đó. Điều đó vượt qua không gian, vượt qua thời gian, điều đó sẽ không thay đổi, đây là Chân lý, đây là đạo đức, vượt qua thời gian và không gian. Ngày nay chúng ta không tuân giữ điều đó, xã hội liền nảy sinh vấn đề, cuộc sống của chúng ta liền xảy ra vấn đề. Tại sao cuộc sống của chúng ta lại phiền não nhiều như vậy? Tại sao lại lo nghĩ nhiều như vậy? Là bởi chúng ta đã làm mất đi 12 chữ này. Nếu đều có 12 chữ này, thì đời người vui vẻ, xã hội hài hòa, chỗ ở không có tai nạn. Vì thế chúng ta thấy được Đức hiệu Tín Huệ này, thì cảm nhận rất sâu sắc.

Tiếp theo là trích dẫn lời nói trong sách Hội Sớ, sách Hội Sớ và sách Chân Giải đều là Chú giải đối với Kinh Vô Lượng Thọ của Đại đức Tịnh tông Nhật Bản. Trong sách Hội Sớ nói rằng, tín tâm trí huệ, mãi đoạn lưới nghi. Dùng



tấm lưới để làm thí dụ cho hoài nghi, sự việc nghi ngờ quá nhiều, rất vi tế, vi tế giống như tấm lưới. Tín tâm nương theo trí huệ, thì đoạn hết lưới nghi; Nếu niềm tin theo tình cảm, thì hoài nghi lo lắng trùng trùng, không cách nào tránh khỏi. Người hiện nay có trí huệ hay không? Không có trí huệ. Tại sao không có trí huệ? Bởi tín tâm trí huệ của họ bị ô nhiễm rồi. Trí huệ từ đâu mà sanh ra? Từ Chân Tâm sanh ra. Chân tâm là gì? Năm chữ trên Đề kinh của chúng ta miêu tả về Chân Tâm, là Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác. Chân Tâm là thanh tịnh, không có ô nhiễm; Chân Tâm là bình đẳng, không có cao thấp, không có phân biệt; Chân Tâm là giác ngộ, không có mê hoặc. Trong Chân Tâm không có nghi lo, không có si mê, các ngài giác ngộ, nên tín tâm trí huệ này quan trọng.

Trong sách Chân Giải nói, 「**明信佛智，無上智慧**」 “**minh tín Phật trí, vô thượng trí huệ**” (*tin hiểu Phật trí, trí huệ vô thượng*), câu nói này rất hay. Chúng ta không có trí huệ, chúng ta tin rằng đức Phật có trí huệ, thực sự hiểu rõ mà tin, không phải là mê mà tin. Thâm nhập Kinh tạng, đã học Kinh giáo, tin vào trí huệ của đức Phật, trí huệ của đức Phật là cứu cánh viên mãn, không gì không biết, không gì không thể. Hai câu nói này, người bình thường hiện nay, họ không tin, họ nói điều đó không thể được, làm sao người mà thứ gì cũng biết được? Đây là sự khen ngợi đối với thần linh, khen ngợi đối với Thượng đế trong Tôn giáo, đó không phải là thật. Trong Đại thừa giáo, xem điều đó là thật, vì sao vậy? Bởi nếu chư vị có thể đến cảnh giới của Phật, thì chư vị tự nhiên sáng tỏ được. Đức Phật nói với chúng ta, trí huệ có từ đâu? Đức năng có từ đâu? Từ 12 hạng mục đức hạnh mà chúng ta vừa mới nói đến, Hiếu Đễ Trung Tín, Lễ Nghĩa Liêm Sỉ, Nhân Ái Hòa Bình có từ đâu? Là do trong Tự Tánh vốn có, không phải do đến từ bên ngoài, chư vị chỉ cần Minh tâm Kiến tánh, thì tất cả [đều] xuất hiện, đâu cần học! Trong mỗi chữ đều có trí

huệ viên mãn, hòa là hài hòa, bình là bình đẳng, chư vị sẽ rất tự nhiên hài hòa, đối đãi bình đẳng với tất cả chúng sanh, vì sao vậy? Bởi vì đó là thật. Nên gọi là Tánh đức, trong Tự Tánh vốn có, không phải do từ bên ngoài đến. Trong Tự Tánh là viên mãn, không có thiếu khuyết điều gì. Có Khoa học hay không? Có, Khoa học viên mãn, trí tuệ viên mãn, đạo đức viên mãn, nhân quả viên mãn, mọi thứ đều viên mãn.

Giáo dục của Phật Đà chính là dạy chúng ta trở về Tự Tánh, vậy khi nào thì tốt nghiệp? Khi Minh tâm Kiến tánh thì chư vị tốt nghiệp, nếu chư vị chưa có Kiến tánh thì chưa tốt nghiệp. Có người tốt nghiệp hay không? Có, người đầu tiên chính là đức Thích Ca Mâu Ni Phật: làm tấm gương cho chúng ta. Đức Thích Ca Mâu Ni Phật thực sự đã biểu diễn cho chúng ta, danh từ của Phật học gọi là biểu pháp, làm ra tấm gương cho chúng ta xem. 19 tuổi, Ngài rời khỏi gia đình, xả bỏ ngôi vua, Ngài là Thái tử, nếu Ngài không xả bỏ, thì [sau khi] phụ thân Ngài qua đời, Ngài sẽ thừa kế ngôi vua. Đây gọi là buông xuống Phiền não chướng, [Ngài] đã buông xuống, [loại] phiền não này. Ngài thể hiện là một tầng lớp tri thức, [giữ] thân phận như vậy, tầng lớp tri thức hiếu học đa văn. Ngài rời khỏi gia đình ra ngoài học tập, tất cả các Tôn giáo, các học phái của Ấn Độ, Ngài đều từng lướt qua, từng học qua tất cả, Ngài học được nhưng thế nào? Không thể giải quyết được vấn đề. Vì vậy học hết 12 năm, đến năm 30 tuổi, Ngài từ bỏ rồi, ngồi nhập định dưới cây Bồ-đề. Cây ấy vốn không gọi là cây Bồ Đề, mà gọi là cây Tất Bát La, bởi Ngài khai ngộ ở dưới cây ấy, cho nên sau này gọi cây ấy là cây Bồ Đề. Cây đó sớm đã chết khô rồi, nhưng từ nhánh của nó, có thể giâm nhánh, hiện tại nhánh phân ra đó vẫn còn. Trong giảng đường tầng 2 của chúng ta, chư vị có thể thấy được, đó là tấm hình được mang về từ Sri Lanka, đức Thích Ca Mâu Ni Phật thành đạo dưới cội cây ấy.



Cây ấy ở Sri Lanka, hơn 2000 năm rồi, bây giờ vẫn còn sống, được chuyển đến trồng ở Sri Lanka, cây ấy sống được lâu như vậy, hiện tại vẫn còn.

Sau khi Ngài khai ngộ, thì điều gì cũng biết hết, mới biết những điều học được trước đây là sai lầm. Bởi phương pháp học tập được chú trọng trong Phật pháp này. Đức Thích Ca Mâu Ni Phật nói với chúng ta, phương pháp này không phải là độc quyền của Ngài, không phải là phát minh của Ngài, Ngài nói với chúng ta, vô lượng kiếp từ xưa tới nay, tất cả chư Phật trong mười phương ba đời thành tựu Phật đạo, [chỉ dùng] một phương pháp, không có phương pháp thứ hai, phương pháp này chính là Giới Định Huệ, gọi là Tam vô lậu học, nhân Giới sanh Định, nhân Định khai Huệ. Giới là quy củ, chư vị phải giữ quy củ, quy củ này giúp chư vị đắc định, định đạt đến mức nhất định [thì] trí huệ liền khai mở. Cho nên lý niệm dạy học của nhà Phật, trên thế gian này không có nhà thứ hai.

Lý niệm của tam học Giới Định Huệ truyền đến nước ta, nhà Nho đã tiếp nhận, nhà Đạo cũng đã tiếp nhận, trở thành phương pháp, lý niệm dạy học quan trọng của văn hóa truyền thống nước ta. Giới này chú trọng điều gì? Thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, đây là lý niệm, lý của học tập. Phương pháp [thì sao]? Đọc sách ngàn lần, tự thấy nghĩa ấy, tự thấy chính là khai ngộ rồi. Đọc sách ngàn lần chính là định rồi, tâm định lại rồi, không phải là bảo chư vị học thuộc lòng, không phải vậy, đó là một phương pháp dạy chư vị đắc Định. Bởi vì nếu chư vị không đọc sách, thì sẽ nghĩ ngợi lung tung, có vọng tưởng, có tạp niệm, vậy không thể khai ngộ. Tầng lớp tri thức thì dùng phương pháp nào? Tầng lớp tri thức thích đọc sách, nên cũng dùng phương pháp này. Chư vị thích đọc sách thì đọc một loại, không nên đọc nhiều quá, đọc nhiều quá thì vọng niệm rất nhiều, nên đọc một thứ, không để suy nghĩ về ý nghĩa của sách. Vậy mục đích đọc sách là gì? Chính là niệm hết đi tạp

niệm, niệm hết đi vọng tưởng, khiến tâm định lại, mục đích ở chỗ này. Dùng phương pháp đọc sách để tu định, ngàn lần là nhiều, một ngàn lần tâm sẽ định lại.

Ngày ngày phải đọc, vậy hiện tại chúng ta nói về thời gian [đọc]: [thì] tốt nhất mỗi ngày đọc sách 10 tiếng, chính là 10 tiếng đồng hồ không có vọng tưởng, không có tạp niệm. Mỗi ngày đọc như vậy, thực sự phải đọc hơn 1000 ngày, 1000 ngày chính là 3 năm, 1000 ngày này, 1000 ngày là 3 năm, một năm có 365 ngày, 3 năm, 3 năm liền có được thành tựu nhỏ, gốc được cắm xuống rồi. Người xưa nói, đây là do người xưa nói từ trên kinh nghiệm, có số liệu căn cứ, 7 năm thành tựu nhỏ, 9 năm thành tựu lớn, cổ nhân nói rằng 10 năm đèn sách khổ nhọc, 10 năm ấy liền có đại thành tựu, [nghĩa là] thế nào? Trí huệ khai mở rồi. [Với] một quyển sách, sau khi trí huệ khai mở rồi, sách chư vị chưa từng học, chư vị hoàn toàn biết, chư vị chỉ cần vừa nhìn, vừa tiếp xúc liền sáng tỏ, vừa nghe là hiểu ngay. Chư vị xem, tự thấy nghĩa ấy, tự thấy chính là khai ngộ, không cần thầy, không cần người chỉ dẫn, đó là gì? Là trí huệ hiện tiền. Trí huệ là do Tự Tánh vốn có, nên phải dùng phương pháp này để khai mở trí huệ ra. Tâm thanh tịnh sanh tiểu trí huệ, tâm bình đẳng sanh đại trí huệ. Thông thường khoảng 7 năm sanh tiểu trí huệ, chính là tâm thanh tịnh hiện tiền; 9 năm tâm bình đẳng hiện tiền; Lại tiếp tục không ngừng, 10 năm sau, không biết lúc nào sẽ hoát nhiên Đại ngộ, liền hiểu được toàn bộ.

Phương pháp này, ở trong 150 năm trước, ở trên đất nước Trung Hoa này rất nhiều người học tập theo. 150 năm trước, văn hóa nước ngoài tiến vào, một số người Trung Hoa có tâm hiếu kỳ, đặc biệt là thấy được máy móc, Khoa học kỹ thuật, những thứ này rất hiếm lạ, [nên] bị lôi cuốn theo. Lại rơi vào cuối Triều nhà Thanh, bởi vì Triều Thanh đã qua thời kỳ hưng thịnh, sau thời kỳ hưng thịnh, không có nhân tài xuất hiện, liền suy rồi. [Lúc] hưng thịnh,

xã hội an định, đời sống nhân dân sung túc, ngày ngày vui chơi, không nghiêm túc đọc sách nữa, cho nên không có nhân tài xuất hiện. Văn hóa phương Tây vừa tràn vào, không ai có thể cản ngăn được, [nên] thực sự tạo thành nỗi nhục mất nước về sau, từ nước đứng đầu thế giới lại sa thành nước nửa thuộc địa, chư vị khiến người ta thấy được: đau lòng biết bao. Do nguyên nhân gì? Tuyệt đối không phải là [do] lỗi của văn hóa nước ta, mà là áp dụng sai đối với văn hóa truyền thống nước ta.

Chúng ta hoàn toàn học tập theo người phương Tây, học tập đến ngày nay, trên thế giới hiện nay rất nhiều nhà Khoa học đưa ra cảnh báo, nếu Khoa học tiếp tục phát triển như thế, lớn mạnh vượt bậc, nhà Khoa học cảnh báo là có chứng cứ, sau 50 năm nữa, loài người không thể sống trên trái đất này nữa, vì sao vậy? Bởi ô nhiễm cả rồi. Hiện nay ô nhiễm lương thực, có thể tương lai sẽ ô nhiễm nguồn nước, đến sau cùng nghiêm trọng, là ô nhiễm không khí, nhân loại sẽ đi đến đâu? Cho nên hiện tại có rất nhiều nhân tài đã phát hiện ra, vì sao cổ nhân Trung Hoa không coi trọng Khoa học kỹ thuật? Không phải là không có, có chứ, chư vị xem la bàn, thuốc nổ, đây đều là phát minh của người Trung Hoa. Vì sao họ không tiếp tục làm? Khi Gia Cát Lượng còn ở đời, [ông ấy] phát minh ra vận chuyển bằng cơ khí hóa: như bò gỗ ngựa chạy, tuy rằng tốc độ rất chậm, nhưng không cần đến sức người, một ngày có thể đi được ba- bốn mươi dặm. Sau khi ông ấy mất đi, thì hủy hết hoàn toàn, không để lại cho người đời sau, vì sao vậy? Bởi Khoa học kỹ thuật nước ta được gọi là công cụ tinh xảo, nên không chú trọng những thứ này. Cũng chính là người nước ta tôn sùng đại thiên nhiên, không coi trọng những công cụ kỹ xảo đó, điều này chính là người nước ta tương ứng với Đạo, không làm trái với Đạo, Khoa học kỹ thuật là làm trái với Đạo. Chư vị nghiên cứu tỉ mỉ, người nước ta

thật sự có trí huệ. Trí huệ là do vốn có ở trong Tự Tánh chính mình, chỉ cần được tâm thanh tịnh, liền sanh trí huệ.

Thâm nhập một môn, chúng ta học môn nào thì không có nhất định, chư vị thích môn nào thì theo môn đó. Chư vị xem Pháp sư Hải Hiền, ngài là từ một câu Phật hiệu, Nam Mô A Mi Đà Phật, 20 tuổi xuất gia, Sư phụ chỉ dạy ngài một câu Phật hiệu này, bảo ngài một mạch mà niệm. Ngài thật thà, nghe lời, thật làm, ngài sống đến 112 tuổi, 20 tuổi bắt đầu, đã niệm 92 năm. 92 năm không hề thay đổi, chính là niệm đến cùng một câu Phật hiệu, cả đời không thay đổi, Sư phụ dạy ngài. Ngài niệm đến trình độ nào vậy? Nói với chư vị, ngài niệm đến Đại triệt Đại ngộ. Vì vậy ngài nói, điều gì ngài cũng biết. Điều gì cũng biết, không thể tùy tiện nói được [câu này], điều gì cũng biết, đó chính là Minh tâm Kiến tánh, người Đại triệt Đại ngộ mới có thể nói. Chính mình không có đạt mức đó, nếu nói câu này thì gọi là đại vọng ngữ, tội của đại vọng ngữ là ở Địa ngục Vô gián. Ngài thực sự đạt đến [cảnh giới đó rồi], vì sao? Vì ngài thật thà, ngài thật làm.

Nếu chư vị hỏi tôi, ngài Minh tâm Kiến tánh vào khi nào? Chính ngài không có nói, ngài đã vãng sanh vào năm ngoái rồi. Chúng ta hãy tỉ mỉ mà quan sát từ trên đĩa CD, lại nhìn lại [cách] dạy học của nước ta thời xưa, trong sách Học Ký đã nói: bảy năm tiểu thành, chín năm đại thành, với một người như ngài, đến Đại triệt Đại ngộ, nếu sớm hơn, [là] 30 tuổi, [cần] 10 năm, nếu muộn hơn, [là] 40 tuổi, [cần] 20 năm. Sẽ không vượt quá 40 tuổi, vì sao? Bởi công phu của ngài dụng rất đặc lực, dụng được rất thuần, chắc chắn vào khoảng 40 tuổi. Trong Phật pháp nói là, ngài niệm đến Lý nhất tâm Bất loạn, Sự nhất tâm Bất loạn là tiểu thành, là A-la-hán, Lý nhất tâm Bất loạn là Pháp thân Bồ-tát, là Minh tâm Kiến tánh, có lẽ vào lúc 40 tuổi, lúc đó điều gì cũng biết. Sư phụ căn dặn ngài, đến khi con biết thì không nên giảng, không nên

nói, không nên khoa tay múa chân. Ngài nghe lời Sư phụ của ngài, đương nhiên ngài cũng hiểu tình hình thực tế, vào thời đại này, hoàn cảnh này không thể nói, cứ thật thà một mạch mà niệm là được.

Niệm Phật [mà] niệm đến Công phu Thành phấn, thông thường [mất] khoảng 3 năm. Thế nào gọi là Thành phấn? Là trong tâm chỉ có A Mi Đà Phật, ngoại trừ A Mi Đà Phật ra, không có tạp niệm, không có vọng tưởng, thứ gì cũng buông xuống hết, đó gọi là Thành phấn. Có loại công phu này, người đó liền có cơ hội thấy được A Mi Đà Phật, bởi vì A Mi Đà Phật sẽ tiết lộ tin tức cho họ, để tín tâm - nguyện tâm của họ kiên cố, tuyệt đối sẽ không thay đổi. Đó chính là [đức Phật] hiện thân đến nói với họ, con còn bao nhiêu năm thọ mạng, đợi đến khi thọ mạng của chư vị hết, A Mi Đà Phật sẽ đến tiếp dẫn chư vị. Trong tâm của chư vị kiên định rồi, A Mi Đà Phật sẽ nói với chư vị chân tướng sự thật, cho nên chư vị liền có thể một mạch mà niệm. Khi thời gian đến, đại khái trong khoảng một tháng đến ba tháng, A Mi Đà Phật sẽ lại [đến] gặp mặt, để ước định thời gian với chư vị, [là] khi nào Ngài sẽ đến tiếp dẫn chư vị, vì vậy chư vị biết trước ngày giờ, chư vị biết được [mình] sẽ đi vào ngày nào. Lần thứ 3 gặp mặt chính là lúc đến dẫn chư vị vãng sanh. Đây đều là hiện tiền thấy Phật, Bồ-tát Đại Thế Chí trong Kinh Lăng Nghiêm đã nói, 「憶佛念佛，現前當來，必定見佛」 **“ức Phật niệm Phật, hiện tiền đương lai, tất định kiến Phật”** (nhớ Phật niệm Phật, hiện tiền tương lai, nhất định thấy Phật). Một người thực sự vãng sanh Thế giới Cực Lạc, [khi còn] sống ở thế gian cũng chưa tắt hơi thở, ít nhất 3 lần [thấy Phật]. Lần cuối cùng là khi Phật đến tiếp dẫn, đi theo Phật rồi, không cần thân này nữa.

Chúng ta từ những chỗ này mà nghĩ, Pháp sư Hải Hiền: ngài thấy A Mi Đà Phật bao nhiêu lần? Ngài đã tiết lộ thông tin, chư vị hãy nghe tỉ mỉ, ngài nói tôi nhiều lần thỉnh cầu A Mi Đà Phật dẫn tôi vãng sanh, ngài nói đức Phật

không dẫn tôi đi, bảo tôi tu hành tốt, trụ thêm vài năm nữa, làm tấm gương cho mọi người xem. Ngài đã nhiều lần thỉnh cầu, chứ không phải là một lần. Đại sư Huệ Viễn, là Sơ tổ Tịnh Độ tông của chúng ta, khi còn sống, 4 lần thấy được đức Phật, lần thứ 4, đức Phật tiếp dẫn ngài vãng sanh. Vậy nếu chúng ta dùng điều này để phán đoán về Hòa thượng Hải Hiền, ngài đã niệm 92 năm, tôi đoán ít nhất là 10 lần trở lên, tức là có hơn 10 lần thấy Phật. Sự biểu pháp này của ngài để nói với chúng ta, Thế giới Cực Lạc có thật, A Mi Đà Phật có thật, ngài thấy qua rất nhiều lần, không phải là giả, để chúng ta đối với Pháp môn này, có đầy đủ tín tâm đối với việc cầu sanh Tịnh Độ, cũng không có một chút nghi ngờ nào nữa. Chúng ta thực tin, đối với điều này sanh ra niềm tin là trí huệ Vô thượng.

Tuổi thọ của ngài dài như vậy, tôi tin rằng [đó] không phải là tuổi thọ vốn có của chính ngài, vì sao thọ mạng dài như vậy? Bởi đức Phật muốn ngài biểu pháp. Chúng ta đã thấy rõ biểu pháp sau cùng của ngài rồi, [biểu pháp] cuối cùng chính là cuốn sách này, sách Nếu Muốn Phật Pháp Hưng, Chỉ Có Tăng Tán Thán Tăng, do Pháp sư Hoàng Lâm biên soạn, chư vị xem được cuốn sách này thì cũng có thể vãng sanh đến Thế giới Cực Lạc, đây là biểu pháp sau cùng của ngài. Cho nên có vài đồng tu đã mang theo cuốn sách này lên trên núi thăm ngài, ngài không biết chữ, [nên] gặp mặt nhất định hỏi họ, cô mang là sách gì vậy? Người ta nói với ngài, sách này là: Nếu Muốn Phật Pháp Hưng, Chỉ Có Tăng Tán Thán Tăng. Ngài vừa nghe thì hết sức vui mừng, như được báu vật, vì sao? Có lẽ là do A Mi Đà Phật đã ước định với ngài, chỉ cần con thấy được cuốn sách này, thì con có thể vãng sanh. Vì thế ngài vui mừng, lập tức mặc áo tràng đắp y, trên tay cầm cuốn sách này, chủ động yêu cầu, đây là điều mà cả đời từ trước tới nay chưa từng có, yêu cầu mọi người chụp cho ngài một tấm hình. Đây là biểu pháp cuối cùng, chư vị xem, 3 ngày sau thì ngài đi



rồi. Lần biểu pháp sau cùng, dụng ý của biểu pháp này rất sâu, Phật giáo muốn hưng vượng trở lại, nhất định phải tăng tán thán tăng. Nếu người xuất gia hủy báng lẫn nhau, thì Phật giáo sẽ diệt vong; Người xuất gia tán thán lẫn nhau, thì Phật pháp liền hưng thịnh thôi. Phật pháp như vậy, Tôn giáo cũng như vậy, tất cả mọi Tôn giáo trên thế giới đều tán thán lẫn nhau, mỗi một Tôn giáo cũng sẽ hưng thịnh trở lại. Tại sao vậy? Vì người bên ngoài nhìn vào thì hoan hỉ, đều muốn học tập theo. Nếu hủy báng lẫn nhau, thì mọi người sanh ra hoài nghi: Tôn giáo không phải là thứ tốt đẹp, chớ vị xem, hàng ngày tranh cãi, ngày ngày đấu tranh, khiến mọi người mất niềm tin vào Tôn giáo. Đây là sự thật, không phải giả.

Nếu một Tôn giáo, bên trong có rất nhiều tông phái, Phật giáo ở Trung Hoa, Đại thừa [có] tám tông phái, Tiểu thừa [có] hai tông phái. Hai tông phái của Tiểu thừa từ thời nhà Tống về sau thì không truyền nữa, hiện nay Tiểu thừa ở Đông Nam Á, còn Trung Hoa chỉ truyền Đại thừa. Đại thừa là lấy Tiểu thừa làm nền tảng, không có Tiểu thừa thì đâu có được Đại thừa. Đây là [do] các Tổ sư Đại đức của Trung Hoa, giữa đời nhà Đường trở về sau, các ngài nghiên cứu, Nho với Đạo có thể thay thế cho Tiểu thừa, cho nên Trung Hoa không cần học Tiểu thừa nữa. Bởi vậy người học Phật, họ có nền tảng của Nho và Đạo, [nên] học Đại thừa không thành vấn đề. Nhưng ngày nay nảy sanh vấn đề rồi, tại sao? Vì không học Tiểu thừa, cũng không học Nho, cũng không học Đạo, họ đều không có nữa. Đều không có nữa:[vậy] có thể học được Đại thừa không? Không được, chớ vị không có gốc [thì] làm sao có thể học Đại thừa? Ngày nay Phật giáo muốn hưng thịnh lại, nhất định phải tìm trở về Giới luật. Vẫn còn may, Giới luật Tiểu thừa, trước đây tôi đến Sri Lanka, đất nước ấy là đất nước Phật giáo, 70% dân số là Phật tử Phật giáo thuần thành, đều có thể trì giới. Giới luật Đại thừa ở Đài Loan thì còn lại một nhà thôi, [chính

là] Pháp sư Quả Thanh ở Phổ Lí, mấy ngày trước thầy ấy đến thăm tôi, tuổi tác cũng hơn 60 tuổi rồi. Vẫn còn khá, còn có người truyền thừa. Tôi hỏi thầy ấy, có thể truyền Giới luật thì trong số học trò của thầy có mấy người? Ngài nói với tôi có 6 người. Tôi nghĩ đến hiện tại, tương lai có thể sẽ có mười mấy hai mươi người, vậy là khó được rồi, nhất định phải xây dựng một Học Viện Giới Luật.

Chúng tôi ở Sri Lanka, giúp họ xây dựng một Đại học Phật Giáo, tôi yêu cầu với trường học, Đại học [đến] khoảng tháng 6, tháng 7 sang năm có thể hoàn thành, nửa năm sau thì có thể chiêu sinh rồi. Hi vọng trường Đại học này mở ra Viện Luật Học, trong đó đều có các tông phái. Nếu dùng ngôn ngữ để chia ra, thì có thể chia thành ba học viện, một Học viện khoa Ngữ văn tiếng Pali, một Học viện là Tạng văn, và Học viện Hán văn, Kinh điển Phật pháp hiện nay đại khái [có] ba loại văn tự này. Trong mỗi loại văn tự có chia Tông, chia tông chia phái, đó chính là chia khoa, sau viện có khoa, có mấy khoa đến mười mấy khoa. Ngoài ba Học viện này ra, nên thêm một Học viện nữa là Học Viện Giới Luật. Học Viện Giới Luật sẽ học Giới luật của Đại thừa và Tiểu thừa, ít nhất phải học 5 năm, học Giới 5 năm. Giới Tiểu thừa ở bên đó có thầy [của họ], giới Đại thừa tương lai có Pháp sư Quả Thanh của chúng ta: thầy ấy sẽ ra phụ trách [việc đó], vậy Phật pháp thực sự mới có thể trường tồn, nếu không thì sẽ bị đoạn tuyệt.

Pháp sư Quả Thanh cũng là học trò của thầy Lý, thầy Lý khi về già có mở lớp Nghiên Cứu Nội Điển, thầy thu nhận 8 người học trò, Pháp sư Quả Thanh là một trong những học trò đó. Lúc đó thầy vừa mới tốt nghiệp Đại học, chính là học Nghiên cứu sinh. Lớp nghiên cứu này không có văn bằng, thời gian tu học là 4 năm. [Lớp đó có] 6 giáo viên, tôi cũng là một trong những số đó, nên mối quan hệ giữa tôi và ngài Quả Thanh là quan hệ thầy trò, cũng là đồng học.

Tôi cảm thấy rất an ủi, lớp Nghiên Cứu Nội Điển của chúng tôi còn đào tạo ra một người thật sự học Giới luật, [thầy ấy] hạ công phu ở trong Giới luật hơn 30 năm, thực sự nghiên cứu đối với Giới luật chỉ có mình thầy ấy. Đây cũng là cống hiến của thầy Lý đối với Phật pháp ở Đài Loan. [Nếu] Phật pháp chỉ dựa vào thành tựu của chính mình thì không được, cần phải có người tiếp nối, tiếp sau không có người thì không được, nhất định phải có người tiếp nối, vậy mới được coi là thành tựu.

Đời này của chúng tôi đây ở trong kinh giáo, cũng là duyên phận đặc biệt, duyên phận này đều là do Phật Bồ-tát an bài, chắc chắn không phải là chính chúng tôi muốn làm như thế, làm không được. Chính tôi nghĩ lại đời này, tất cả đều là do Phật Bồ-tát an bài. Lời này, vào năm 26 tuổi tôi thân cận với Đại sư Chương Gia, Đại sư Chương Gia nói với tôi, thực sự phát tâm học theo đức Thích Ca Như Lai. Cả đời đức Phật Thích Ca, sau khi khai ngộ liền dạy học, hiện nay nói là mở trường dạy học, Ngài không có nơi riêng, ngài ở nơi đất hoang, ở trong rừng cây, ban đêm nghỉ một đêm dưới cây, giữa ngày ăn một bữa, lúc không có việc, quây quần lại cùng mọi người, để dạy học. Ngài dạy học theo trình tự, 12 năm đầu Ngài dạy Kinh A Hàm, giáo dục phổ thế, lấy gì làm trung tâm? Lấy Thập Thiện Nghiệp Đạo, Giới luật làm trung tâm. Tiểu học, Tiểu học Phật giáo, 12 năm. Sau khi hoàn thành Tiểu học thì tiếp tục lên Trung học, [giảng] Phương Đẳng, 8 năm Phương Đẳng, làm dự bị lên Đại học. Sau 8 năm Phương Đẳng, thì chính thức lên Đại học, Đại học là Bát Nhã, giảng 22 năm, cả đời của đức Thích Ca Mâu Ni Phật, [điều Ngài] muốn truyền chính là điều này, [là] trí huệ chân thật.

Chư vị xem A Hàm là Giới, chú trọng ở Giới, Phương Đẳng chú trọng ở Định, Bát Nhã là khai trí huệ. Tám năm sau cùng là tương đương với Viện nghiên cứu, [giảng] Pháp Hoa, Niết Bàn, Pháp Hoa chính là đưa chư vị đi lên

nữa, lên đến tận cùng tột đỉnh, [là] Pháp thân Bồ-tát. Đức Thích Ca Mâu Ni Phật [đã] mở trường học, lí niệm này rất rõ ràng, giúp cho học trò thành tựu. 12 năm tốt nghiệp Tiểu học, chứng quả A-la-hán, [nhưng] phải thật làm mới được, không thật làm thì không được. 8 năm giảng Phương Đẳng, là Bồ-tát của Tam thừa, trong Biệt giáo Thiên Thai gồm: Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, là 8 năm. Sau khi tốt nghiệp lại nâng lên, Bát Nhã, Bát Nhã chính là Minh tâm Kiến tánh, Pháp thân Bồ-tát, thật sự Minh tâm Kiến tánh rồi, đời sau các ngài sẽ đều sanh [đến] Thế giới Hoa Tạng, [người] niệm Phật sẽ sanh [đến] Thế giới Cực Lạc, [còn người] không niệm Phật, đều ở Thế giới Hoa Tạng.

Chúng ta học Phật, với điều này, phải nhìn rõ ràng, phải nhìn cho sáng tỏ, hiện tại đức Phật không ở đời, tự mình phải biết đi lên. Sự nghiệp của Phật giáo chính là giảng kinh dạy học, không có việc gì khác. Năm xưa khi đức Thế Tôn tại thế, không có Đạo tràng, cả đời không có xây dựng Đạo tràng. Những vị Quốc vương Đại thần, Trưởng giả Cư sĩ, họ có Hoa viên, có Biệt thự, cúng dường cho đức Thích Ca Mâu Ni Phật, đức Phật cũng không từ chối, ở nơi đó giảng kinh, mở Pháp hội lớn, sau khi giảng xong thì rời đi, trả lại cho họ. Nói cách khác, chỉ là mượn [để] dùng tạm, [Ngài] không nhận cúng dường, nên sạch sẽ, tâm địa thanh tịnh. Đồng học cũng không có gì để tranh, danh văn lợi dưỡng đều là giả, đức Phật đều xả bỏ hết rồi, cho nên đạo nghiệp tinh tấn.

Chúng ta hãy xem phần tiếp theo, nguyên văn chú giải của Niệm lão, 又本經中，已曾供養諸如來，則能歡喜信此事。人身難得佛難值，信慧聞法難中難 **“hựu bốn kinh trung, dĩ tăng cúng dường chư Như Lai, tác năng hoan hỷ tín thử sự. Nhân thân nan đắc Phật nan trị, tín huệ văn pháp nan trung nan”** (lại nữa trong kinh này [nói], đã từng cúng dường các Như Lai, [mới] thể vui mừng tin việc này. Thân người khó được Phật khó gặp, tín huệ

*nghe pháp khó trong khó*). Hai câu nói này, hai câu đây trong Kinh này, đã từng cúng dường các Như Lai, mới thể hoan hỉ tin việc này, ý nghĩa của hai câu nói này rất sâu. Pháp môn Tịnh Độ là pháp khó tin, chư Phật đều nói pháp như vậy, vì sao có thể tin, vì sao chư vị có thể vãng sanh được trong đời này? Tuyệt đối không phải là do bắt đầu học ở đời này, mà là nhiều đời nhiều kiếp trong quá khứ của chư vị đã từng học Pháp môn này. Hơn nữa đã từng cúng dường các đức Như Lai, cúng dường bao nhiêu vị vậy? Vô số, cho nên thiện căn của chư vị sâu dày. Trên Kinh Mi Đà có một câu nói, 「不可以少善根福德因緣，得生彼國」 “**bất khả dĩ thiếu thiện căn phước đức nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc**” (*không thể dùng ít thiện căn phước đức nhân duyên, mà được sanh về nước kia*), bất luận là vãng sanh đến Thế giới Cực Lạc trong trạng huống nào, thì họ cũng không phải là người tầm thường, mà trong đời quá khứ [họ] tu thiện căn rất sâu, thời gian rất dài. Ngay trong đời này gặp được rồi, [lại] được sự gia trì của chư Phật Bồ-tát, chư vị mới có thể tin, có thể nguyện, thật sự chịu niệm câu Phật hiệu này, niệm đến tự tại vãng sanh. Ở trong đời này của chúng ta, những gì thấy được nghe được, không có một điều nào không phải là công phu tu học sâu dày trong đời quá khứ, nên mới có được trạng thái đó, nếu không thì không thể có chuyện đó được.

Cho nên chúng ta hiểu rõ chân tướng sự thật, phải trân quý duyên phận lần này, duyên phận lần này không hề cạn, nhất định phải nắm chắc lấy. Vì sao nói là không cạn? Bởi bộ Kinh này và Chú giải này rất khó được. Bản kinh hội tập của lão Cư sĩ Hạ Liên Cư: thầy Lý ở Đài Trung đã thấy rồi, [còn] Chú Giải của lão Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ thì thầy Lý chưa thấy được. Bản Chú Giải này của ngài ấy, tôi là người đầu tiên ở hải ngoại thấy được. Lúc đó ngài mang đến nước Mỹ, ngài hoằng pháp ở nước Mỹ, thời gian chỉ ở một tháng, sau này không đi nữa, cả đời [ngài] ở nước Mỹ một lần, ở một tháng, đúng lúc tôi đang

ở nước Mỹ. Ngài đã mang theo một bộ in theo lối rô-nê-ô, bản rô-nê-ô ấy được in ra trên giấy sếp, đó là bản thảo, in ra, để thỉnh giáo với những vị Cao tăng Đại đức, chưa phải là bản sau cùng, tôi cảm được là bản đầu tiên đó. Sau khi tôi xem xong thì vô cùng hoan hỉ. Tên của Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ: trước kia thầy Lý từng nói với tôi, cho nên tôi rất quen thuộc với tên ngài. Tôi cho rằng ngài ấy đã không còn ở đời, là Cổ nhân rồi, không ngờ ngài ấy trẻ hơn thầy Lý, ngài ấy vẫn còn sống. Lúc chúng tôi gặp nhau, ngài ấy hơn 70 tuổi rồi, lớn hơn tôi mười mấy tuổi. Sau khi gặp nhau thì vô cùng hoan hỉ, hoằng dương bản này ở trong nước chỉ có một mình ngài, còn ở hải ngoại chỉ có một mình tôi, ngay cả người giao lưu thảo luận nghiên cứu mà chúng tôi cũng tìm không được, cho nên sau khi gặp nhau thì vô cùng vui mừng. Vào thời gian đó, tôi trường kỳ sống ở hải ngoại, nhưng hàng năm đại khái ít nhất sẽ đến Bắc Kinh thăm ngài 3 lần, để thăm ngài, thăm lão Triệu. Hiện tại các ngài đều vãng sanh rồi, [nên] thời gian tôi về nước ít đi, thực sự [muốn] tìm một người để thảo luận kinh giáo cũng không có.

Vì thế câu nói ở phía sau, nhân thân nan đắc Phật nan trị, trị là gặp được, không dễ dàng gặp được [Phật]. Tín huệ nghe pháp khó trong khó, đây là nói về bộ Kinh này, Pháp môn Tịnh Độ, 「此淨土宗，是難信法，若能信入，皆因宿具慧根」 **“thử Tịnh Độ tông, thị nan tín pháp, nhược năng tín nhập, giai nhân túc cụ Huệ căn”** (Tịnh Độ tông này, là pháp khó tin, nếu tin nhận được, đều do Huệ căn có trong đời trước), đây chính là huệ căn được tu thành từ nhiều đời nhiều kiếp trong đời quá khứ, [nhưng] chưa thể vãng sanh, đời sau gặp lại. Nhưng thời gian lần sau này mất rất lâu, không hẳn ngay đời sau, mà phải trải qua rất nhiều đời, rất nhiều kiếp, mới có được cơ hội được thân người, thân người rất khó được, nhất định phải biết [điều này]. Phật pháp cũng rất khó nghe, pháp vận của đức Thích Ca Mâu Ni Phật: chỉ có 12 ngàn



năm. Những bậc Đại đức lớn tuổi trước đây của nước chúng ta, [theo] niên đại mà các vị ấy ghi chép khác với [con số] lưu thông hiện nay. Theo ghi chép của cổ nhân nước ta, đức Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ đến năm nay: đã được 3041 năm, [còn theo] người nước ngoài thì hiện giờ là hơn 2500 năm, sai khác 600 trăm năm. Người nước chúng ta rất cẩn thận, đối với việc ghi chép về niên đại có nghiên cứu rất nghiêm túc, nên chúng ta có lí do để tin tưởng.

Theo ghi chép của người Trung Hoa, Chánh pháp của đức Thích Ca Mâu Ni Phật là 1000 năm, 1000 năm thời Tượng pháp đã qua rồi, 10.000 năm Mạt pháp thì đã qua 1000 năm rồi, hiện nay là 1000 năm thứ hai, [đã qua] 41 năm đầu. Về sau, bao gồm tính cả [thời điểm] chúng ta hiện nay, [còn khoảng] 9000 năm. 9000 năm chúng ta xem ra có vẻ rất dài, nhưng ở trong trọn cả Phật pháp thì thấy rất ngắn. Trong 9000 ngàn năm này, chúng ta có thể được thân người hay không? Quá khó. Dù cho được thân người, cũng rất khó nghe được Phật pháp, sự suy yếu của Phật pháp, đời sau không bằng đời trước, đến mấy trăm năm sau cùng, có thể hoàn toàn cũng không thấy kinh điển nữa. Một trăm năm sau cùng, tất cả kinh điển đều không còn nữa, [riêng] Kinh Vô Lượng Thọ vẫn còn, lưu lại ở thế gian 100 năm. Sau 100 năm, thì Kinh Vô Lượng Thọ cũng không còn nữa, chỉ còn lại một câu Phật hiệu A Mi Đà Phật, câu Phật hiệu này còn lưu lại 100 năm. Đến lúc đó nghe được câu Phật hiệu này: mà có thể tin, có thể nguyện, chịu niệm, thì cũng có thể vãng sanh, chỉ là cơ hội càng ngày càng ít đi. Sau đó pháp cũng bị diệt mất, thế gian này không còn pháp nữa, phải đợi đức Phật Di Lặc xuất hiện. Đức Phật Di Lặc khi nào mới tới vậy? Phần trước [chúng ta] từng học rồi, 56 ức 7 ngàn vạn năm nữa, Bồ-tát Di Lặc mới đến nhân gian. Làm rõ ràng làm sáng tỏ những sự việc này, thì chúng ta sẽ sanh tâm dũng mãnh, cơ hội này quá khó được, ta gặp được rồi, quyết chắc không để luống qua, ta nhất định nắm bắt lấy cơ hội này, chúng ta nhất định thành tựu ở ngay trong đời này, thế thì đúng rồi. Thiện căn

phước đức nhân duyên của chúng ta vẫn chưa đầy đủ, cũng không phải lo lắng, dũng mãnh tinh tấn là có thể bù vào.

Tiếp theo là vị thứ 11, Nguyệt Huệ Bồ-tát, 「表阿彌陀大願之王，智慧廣大，又可與信慧正士合參，正表淨土以信願持名為宗」“**biểu A Mi Đà Đại nguyện chi vương, trí huệ quảng đại, hựu khả dữ Tín Huệ Chánh sĩ hợp tham, chánh biểu Tịnh Độ dĩ tín nguyện trì danh vi tông**” (*biểu thị đức A Mi Đà [là] vua của đại nguyện, trí huệ rộng lớn, lại có thể tham cứu cùng với Chánh sĩ Tín Huệ, chính là biểu thị [Pháp môn] Tịnh Độ lấy tín nguyện trì danh làm Tông chỉ*). Chú Giải của Niệm lão giải thích rất hay, đây là thể hội của ngài, sự chứng ngộ của ngài, có thể dùng lời đơn giản như vậy mà giảng giải được rõ ràng thấu đáo, khiến chúng ta không có nghi hoặc nữa. Về ‘Nguyệt Huệ’, nguyện đương nhiên là 48 nguyện của A Mi Đà Phật, mỗi nguyện đều là thành tựu trí huệ viên mãn, cho nên gọi là Nguyệt Huệ. Tiếp theo cũng là do Niệm lão ngài thể hội được, có thể hợp chung lại với biểu pháp của Bồ-tát Tín Huệ [ở] phía trước để xem, đó chính là biểu thị Pháp môn Tịnh Độ lấy tín nguyện trì danh làm Tông, [tức là] Tông chỉ, tông yếu, là nguyên tắc chỉ đạo cao nhất của tu học, chúng ta thật tin, không có một chút nghi ngờ. Lão Hòa thượng Hải Hiền vì chúng ta mà làm chứng minh, 48 nguyện là thật, mỗi nguyện đều được thực hiện ở Thế giới Cực Lạc rồi, chúng ta chỉ cần thật tin nguyện thiết lão thật niệm Phật, thì chắc chắn được vãng sanh.

Vị Đại sĩ thứ 12, là Hương Tượng Bồ-tát. 「香象菩薩乃東方阿閼佛國菩薩，曾於維摩會上，作同聞眾。香象身出香風，此菩薩身香亦如之。香象力大，表彌陀願力無邊」“**Hương Tượng Bồ-tát nãi Đông phương A Súc Phật quốc Bồ-tát, tăng ư Duy Ma hội thượng, tác đồng văn chúng. Hương Tượng thân xuất hương phong, thủ Bồ-tát thân hương diệc như chi.**

**Hương Tượng lực đại, biểu Mi Đà nguyện lực vô biên”** (*Hương Tượng Bồ-tát là vị Bồ-tát ở cõi Phật A Súc tại phương Đông, từng ở trong hội Duy Ma, cùng làm chúng nghe pháp. Thân ngài Hương Tượng tỏa ra gió thơm, hương trên thân của Bồ-tát ấy cũng như thế. Sức ngài Hương Tượng lớn lao, biểu thị nguyện lực của đức Mi Đà là vô biên*). Quả thực là công đức nguyện lực của A Mi Đà Phật: không thể nghĩ bàn, phàm phu sáu đường chúng ta không cách nào tưởng tượng được. Từ chỗ này biểu thị điều gì? Từ nguyện thứ 18, nguyện thứ 19, nguyện thứ 20, chúng ta đều thấy được rõ ràng. Nhất là trong nguyện thứ 18, Ngũ nghịch Thập ác, vốn là mười niệm vãng sanh, duy trừ hạng Ngũ nghịch Thập ác, nhưng Đại sư Thiện Đạo giải thích cho chúng ta. Ngài Thiện Đạo, người vào thời nhà Đường, trong truyền thuyết [nói] ngài là A Mi Đà Phật, Ứng thân đến thế gian của chúng ta, ngài xuất hiện ở Trung Hoa, vậy thì lời của ngài Thiện Đạo là do chính A Mi Đà Phật nói. Ngũ nghịch Thập ác, là tội nghiệp cực trọng ngay trong tất cả tội nghiệp, đức Phật nói ý nghĩa đó, là khuyên nhủ mọi người đừng tạo tội nghiệp này. Vậy đã tạo rồi thì làm sao? Đã tạo rồi thì chân thật sám hối, đức Phật vẫn đến độ chư vị. Đây chính là hiển thị 48 nguyện của đức Phật A Mi Đà, sức mạnh đó là vô hạn, điều đó có thể khiến chư vị [có] một niệm tâm thiện trong lúc lâm chung, ngay trong một niệm lúc lâm chung ấy mà không có oán hận, không có tham sân si mạn nghi, thì giải quyết được vấn đề. Thời gian dài thì không có khó, [quan trọng] là một niệm sau cùng đó, một niệm sau cùng đó quan trọng hơn tất cả, liên quan đến đời sau của chư vị. Nhưng chúng ta làm thế nào để đảm bảo một niệm sau cùng đó: là A Mi Đà Phật, mà không có tạp niệm nào khác? Hoàn toàn dựa vào lúc bình thường niệm câu Phật hiệu này cho thành thực, bình thường phải buông xả, đối với tất cả cảnh giới thuận nghịch, thuận cảnh thì không được tham luyến, nghịch cảnh thì không có oán hận, ngay trong cuộc sống thường ngày phải rèn luyện một chiêu này, đây chính là công phu của

chư vị thực sự đắc lực rồi. Thuận cảnh có tham luyến, nghịch cảnh có oán hận, thế thì hỏng rồi, chư vị làm sao có thể đảm bảo lúc lâm chung, một niệm sau cùng của chư vị là A Mi Đà Phật? Phải học ngài Hải Hiền, chư vị xem ngài Hải Hiền, có một số đồng tu cũ nói chuyện với ngài: khi thầy vãng sanh, mọi người chúng con sẽ đến trợ niệm cho thầy. Ngài mỉm cười rằng: trợ niệm không đáng tin, không chắc chắn, vẫn phải từ chính mình nắm chắc được niệm Phật vãng sanh, vậy mới là chắc chắn. Lời nói này chúng ta nghe rồi thì có cảm tưởng làm thế nào? Nhất định [phải] nuôi dưỡng thành thực công phu trong lúc bình thường. Hòa thượng Hải Hiền nuôi dưỡng được rồi, một câu Phật hiệu niệm được 92 năm, ngài [đã] thuần thực rồi. Ngay trong đời sống sinh hoạt hàng ngày, ngài không có tạp niệm, mặc áo ăn cơm, trong tâm niệm Phật. Không có nghĩ đến quần áo cũ rách, [dù] may vá nhiều lần, ăn cơm cũng không biết mùi vị của thức ăn, cũng không biết được thứ này ngon, thứ kia không ngon, ngài không để ở trong tâm. Công việc cũng vậy, đối người tiếp vật tất cả [đều] như vậy, đều không để ở trong tâm, luyện thành ngài có thể tự tại vãng sanh, không cần người khác trợ niệm, loại công phu này đặc biệt vô cùng quan trọng.

Sự việc bên ngoài, giúp đỡ chúng sanh thì phải tùy duyên, không nên phan duyên, phan duyên thì sai rồi. Phan duyên là tôi phải nghĩ thế này thế nọ, là sai rồi, tùy duyên thì tốt. Có duyên phận, thì tận tâm tận lực [mà làm], vì sao? Bởi việc tốt, những việc mang lại lợi ích cho chúng sanh, có lợi ích đối với xã hội, có chỗ tốt. Có chỗ tốt với Phật giáo, có chỗ tốt với đất nước, có chỗ tốt với hòa bình của thế giới, có duyên đó thì làm. Không có duyên đó thì chớ đi tìm, nếu tìm là sai rồi, đó là phan duyên, chứ không phải là tùy duyên. Tùy duyên còn phải xem duyên, duyên có phải là thật sự chín muồi không, nếu chưa thật sự chín muồi thì có thể không cần làm. Cũng chính là họ thật sự có

thành ý, hoàn cảnh cho phép, không có chướng ngại, mọi người đều hoan hỉ, duyên đó đã chín muồi thì có thể, không chín muồi thì không thể đáp ứng. Cho nên phải có trí huệ, không thể làm việc theo tình cảm.

[Lúc] tôi hoằng pháp ở hải ngoại, đã nói ra một câu nói vui. Lúc đó tôi cư trú ở Singapore, tôi giảng kinh dạy học ở bên đó, [làm] đoàn kết Tôn giáo. ở Indonesia có một số đồng học đến Singapore thăm tôi, muốn mời tôi đi, sang bên đó để giảng kinh hoằng pháp. Tôi thấy những đồng học mời tôi: đại đa số có thời gian học Phật không lâu, [nên] tôi rất cảm ơn họ, tôi không đi, để xem duyên phận về sau. Họ liền hỏi tôi, vậy rốt cuộc người như thế nào đến mời thì ngài mới đi? Tôi liền nói đùa, là do họ không thể làm được, tôi nói Tổng thống của chư vị mời thì tôi sẽ đi. Không ngờ họ thực sự tìm được, họ tìm được Phó tổng thống, Phó tổng thống ra công văn mời tôi đến. Làm thế nào? Họ không có tìm được Tổng thống, tìm được Phó tổng thống. Cho nên lần đầu tiên tôi đến Indonesia, là do Phó tổng thống mời, xuống máy bay xong, xe của chúng tôi liền đến dinh của Tổng thống, gặp mặt với Phó tổng thống. [Tôi] cũng gặp mặt Tổng thống một lần rồi, [Tổng thống] lúc đó là bà Megawati.

Lần này đồng tu Việt Nam đến mời tôi, nói với tôi, họ dùng danh nghĩa của Tổng thống để mời, nhưng không có công văn chính thức. Phật giáo Việt Nam cũng rất có duyên với tôi, tôi ở nước Úc, Đạo tràng của chúng tôi bên đó có rất nhiều người Việt Nam. Pháp Sư Ngô Thông xuất gia với tôi, là người Việt Nam, mười mấy năm qua thầy ấy rất dụng công, rất nhiều kinh luận của tôi giảng đều do thầy ấy phiên dịch thành tiếng Việt, lưu thông rất rộng ở Việt Nam. Tôi đồng ý với họ, sang năm tìm thời gian [thích hợp] tôi sẽ đến thăm họ. Lần đầu tiên đi vẫn là đến thăm là được rồi, chúng ta thiết lập tình cảm,

hiểu rõ tình hình, lần thứ hai sẽ đến giảng kinh. Bởi vì duyên không chín muồi, chướng ngại rất nhiều, không thể không biết [điều này].

Vị thứ 13, Bảo Anh Bồ-tát, 「表彌陀願海，乃無量功德妙寶之所莊嚴，能令凡夫，無功德者逕登不退，證入涅槃，是乃寶中之英」 “**biểu Mi Đà nguyện hải, nãi vô lượng công đức diệu bảo chi sở trang nghiêm, năng linh phàm phu, vô công đức giả kính đặng Bất thoái, chứng nhập Niết-Bàn, thị nãi bảo trung chi anh**” (*biểu thị biển nguyện của đức Mi Đà, là được trang nghiêm bằng vô lượng công đức diệu bảo, có thể khiến cho phàm phu, hàng không có công đức thăng lên địa vị Bất thoái, chứng nhập Niết-Bàn, đó là tinh hoa trong các thứ báu*), chữ anh này chính là tinh hoa, điều tuyệt hảo nhất, 「故寶英」 “**cố viết Bảo Anh**” (*nên nói là Bảo Anh*). 48 nguyện của đức Mi Đà, được trang nghiêm bằng vô lượng công đức diệu bảo, là sự tu học trong năm kiếp của A Mi Đà Phật, dùng lời hiện nay mà nói, chính là đi khảo sát, sưu tập tư liệu. Ở những nơi đâu vậy? Ở cõi nước của tất cả chư Phật, đều không bỏ sót một cõi nào. Đây là sự thành tựu trên nhân địa của A Mi Đà Phật, thế nên từ trên quả địa, lại thêm công đức tu học trong vô lượng kiếp của Ngài, thành tựu lên Thế giới Cực Lạc. Trước kia Tiên sinh Phương Đông Mỹ có nói với tôi về sự việc này, cách làm này phù hợp với logic của Khoa học. Chư vị thấy Thế giới Cực Lạc không phải do chính Ngài nghĩ ra, cũng không phải do Sư phụ của Ngài chỉ cho Ngài, không phải vậy. Sư phụ dạy cho Ngài đi khảo sát, đi tham học khắp nơi, lấy điều tốt của người, bỏ điều xấu của người, như thế để xây dựng lên Thế giới Cực Lạc, thì Thế Giới Cực Lạc sẽ trở thành tinh hoa của chân thiện mỹ huệ trong các cõi nước của tất cả chư Phật, những điều tốt đẹp trong các cõi nước của chư Phật thì cõi Cực Lạc đều có, điều không tốt thì cõi Cực Lạc không có. Cho nên chư Phật đều tán thán Ngài: 「光中極尊，佛中之王」 “**quang trung cực tôn, Phật trung chi vương**” (*là tôn quý nhất*



trong các ánh sáng, là vua trong chư Phật). Cho nên Bảo Anh Bồ-tát biểu thị ý nghĩa này.

Vị thứ 14, Trung Trú Bồ-tát, 「安住中道，不落二邊，當相即道，即事而真，淨念相繼，即念離念，是中住義」 “**an trụ Trung đạo, bất lạc nhị biên, đương Tướng tức Đạo, tức Sự nhi Chân, tịnh niệm tương kế, tức niệm li niệm, thị Trung Trụ nghĩa**” (an trụ trong Trung đạo, không rơi vào Nhị biên, ngay Tướng tức là Đạo, ngay Sự tức là Chân, tịnh niệm liên tục, ngay niệm mà li niệm, là nghĩa của Trung Trú). Nói rất hay. Chúng ta cầu sanh Tịnh Độ, phải đặc biệt chú trọng biểu pháp của Bồ-tát, đó là điều gì? Là trong tâm chỉ có một A Mi Đà Phật mà thôi, ngoại trừ A Mi Đà Phật ra, thì đều không chấp trước hai bên thiện ác, không rớt vào Nhị biên, an trú trong Trung đạo. Tiếp theo có nêu ví dụ cụ thể cho chúng ta, nhất định phải hiểu rõ, ngay Tướng tức là Đạo, ngay Sự tức là Chân. Tướng chính là hiện tượng, [gồm có] hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần, hiện tượng tự nhiên. Đạo là gì? Đạo chính là Tự Tánh. Chân chính là Chân Như. Về Sự, mười Pháp giới là Sự, sáu đường cũng là Sự, nhìn từ trên Tướng thì đó là giả, nhìn từ trên Tánh thì đó là chân thật. Vì sao vậy? Bởi trên kinh nói với chúng ta, 「一切法從心想生」 “**nhất thiết pháp từ tâm tướng sanh**” (tất cả pháp sanh từ tâm tướng), rời khỏi ý niệm, thì không có pháp nào có thể đắc, vì vậy đều là giả, đều là ảo tượng. Nhưng thể của ảo tượng là chân thật, Bản thể của ảo tượng là chân thật, giống như chúng ta xem ti vi vậy, hình ảnh của ti vi là giả, đó là pháp sanh diệt, nhưng màn hình lại là thật, màn hình không sanh không diệt, màn hình không nhiễm một chút nào. Chúng ta dụng tâm phải giống như màn hình ti vi vậy, giống màn hình thì là dùng Chân tâm, giống hình ảnh trên ti vi là Vọng tâm, ví dụ này xác thực ổn thoả, cũng rất dễ hiểu. Chúng ta ở ngay trong đời sống hàng ngày, dùng Chân tâm chứ đừng dùng Vọng tâm. Người thế gian

dùng Vọng tâm chứ không dùng Chân tâm, [vậy] có chướng ngại với chúng ta không? Không có chướng ngại, vọng với vọng có chướng ngại, vọng với chân thì không có chướng ngại, chân với vọng cũng không có chướng ngại. Dùng Chân tâm thì sanh Tịnh Độ, dùng Vọng tâm thì vào sáu đường luân hồi, thì sai rồi. Cho nên tịnh niệm liên tục, ngay nơi niệm là niệm, đó là Trung Trú, đó là Trung đạo, điều này mới hoàn toàn phù hợp với Thật Tướng, chính là chân tướng sự thật. Trong chân tướng sự thật không có một chút ô nhiễm, trí huệ liền hiện tiền. Nếu người an trú ở Trung đạo, vậy có đạo lí nào lại không sanh trí huệ! Trung Trú Bồ-tát là biểu pháp này cho chúng ta. Thời gian hôm nay hết rồi, chúng ta học tập đến chỗ này.

***(Hết tập 76)***

Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử cùng chúng sanh

Đều sanh nước Cực Lạc

Sớm viên thành Phật đạo

Rộng độ khắp chúng sanh.

**Nam Mô A Mi Đà Phật.**